

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-01-2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Bàn

Bà Lại Thị Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Quyên - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái (có mời nhưng không tham gia phiên tòa).

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn KC, xã TN, huyện YB, tỉnh Yên Bái;

2 - Bị đơn: Bà Ngôn Thị N, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn KC, xã TN, huyện YB, tỉnh Yên Bái;

Hiện đang đi xuất khẩu lao động tại số 84, đường BQ, làng PH, thị trấn Hukou, huyện TT, Đài Loan;

Các đương sự đều vắng mặt (Đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-11-2022 và bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông Nguyễn Thanh T và bà Ngôn Thị N kết hôn với nhau vào ngày 18-11-2014, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã TN, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2018, bà Ngôn Thị N đi

xuất khẩu lao động tại Đài Loan, kể từ đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do xa nhau về khoảng cách địa lý, thường xuyên cãi nhau, hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm, nhưng không được. Đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể khắc phục được ông Nguyễn Thanh T đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với bà Ngôn Thị N.

Về con chung: Ông Nguyễn Thanh T và bà Ngôn Thị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 16-12-2014. Nguyên vọng của cháu A đề nghị được ở với bố vì mẹ đi làm ăn xa. Khi ly hôn, ông T đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Ngôn Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông Nguyễn Thanh T còn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, mở phiên tòa sớm hơn so với thời gian ấn định trong Thông báo thụ lý vụ án của Toà án; xin vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa và đề nghị gửi bản án cho mẹ đẻ là bà Triệu Thị B trú tại Thôn KC, xã TN, huyện YB, tỉnh Yên Bái, do ông T đi làm vắng nhà.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Ngôn Thị N vắng mặt nhưng tại Bản tự khai ngày 21-12-2022 (có dấu chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc) bài N trình bày: Bà Ngôn Thị N kết hôn với ông Nguyễn Thanh T vào ngày 18-11-2014, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2018, bà Ngôn Thị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể khắc phục được nên ông Nguyễn Thanh T xin ly hôn, bà Ngôn Thị N cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà Ngôn Thị N cũng xác nhận ông T và bài N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 16-12-2014. Hiện nay cháu A đang ở cùng bố tại Việt Nam nên bà Ngôn Thị N đồng ý cho ông Nguyễn Thanh T nuôi dưỡng con chung và bài N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà Ngôn Thị N còn xác nhận: Bà Ngôn Thị N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Toà án, bản sao các tài liệu, chứng cứ, bài N không có ý kiến gì khác. Do điều kiện địa lý xa cách, không thuận tiện đi lại, bài N không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn nên bài N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; mở phiên tòa xét xử vắng mặt và thời gian mở phiên tòa sớm hơn so với Thông báo thụ lý vụ án của Toà án và tổng đạt bản án cho bà Triệu Thị B là mẹ đẻ ông Nguyễn Thanh T nhận hộ và bài B có trách nhiệm giao lại bản án cho bài N.

Do các đương sự ông T và bài N đều đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, các đương sự ông T và bà N đều có yêu cầu Tòa án mở phiên tòa sớm hơn so với Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, đều có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Thanh T:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Ngôn Thị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện YB, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn bà Ngôn Thị N. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông T và bà N đã mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có nguyện vọng được ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thanh T được ly hôn bà Ngôn Thị N.

Về con chung: Ông Nguyễn Thanh T và bà Ngôn Thị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 16-12-2014. Sau khi bà N đi lao động ở nước ngoài, ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A và nguyện vọng của cháu A mong muốn được ở với bố là ông Nguyễn Thanh T. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Thanh A cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Thanh T không yêu cầu bà Ngôn Thị N phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà N đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T được ly hôn bà Ngôn Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 16-12-2014 cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Bà Ngôn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Ngôn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003321 ngày 09-11-2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái. Ông T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, ông T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết; bà N được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã TN, H. Yên Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Lan

